

# NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHOA KINH TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

● NGUYỄN THỊ PHƯƠNG - TRẦN THỊ DIỄM THÚY

## TÓM TẮT:

Nghiên cứu này chỉ ra ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học An Giang chịu ảnh hưởng bởi năm yếu tố: (1) Thái độ khởi nghiệp, (2) Nền tảng giáo dục, (3) Nguồn vốn, (4) Quy chuẩn chủ quan, (5) Kinh nghiệm làm việc. Đồng thời, nghiên cứu cũng đo lường mức độ tác động của từng yếu tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả hồi quy cho thấy có đến 46,5% ý định khởi nghiệp của sinh viên được giải thích bởi các yếu tố trên.

**Từ khóa:** Khởi nghiệp, Đại học An Giang, nhân tố.

## 1. Đặt vấn đề

Theo Bùi Huỳnh Tuấn Duy & ctg (2011), khởi nghiệp là một quá trình bắt đầu từ việc nhân biết cơ hội, từ đó phát triển ý tưởng để theo đuổi cơ hội qua việc thành lập một công ty mới. Khởi nghiệp có tiềm năng rất lớn trong việc tạo công ăn việc làm cho người lao động tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trong đó có tỉnh An Giang. Theo Tổng cục Thống kê, tính đến năm 2010 toàn tỉnh An Giang có 1.743 doanh nghiệp (DN) chiếm 7,5% số lượng DN khu vực ĐBSCL tạo công ăn việc làm cho 48.245 lao động. Đến năm 2016, số lượng DN của tỉnh An Giang là 3.023 DN (tăng 81% so với năm 2016) góp phần tạo việc làm cho 62.057 lao động.

Trường Đại học (ĐH) An Giang là một trong những trường lớn thuộc khu vực ĐBSCL, hàng năm đào tạo hàng ngàn sinh viên phục vụ nhu cầu thị trường lao động của tỉnh và khu vực thuộc nhiều ngành kinh tế. Theo số liệu thống kê từ năm 2012 đến năm 2016, Trường ĐH An Giang đã cấp bằng tốt nghiệp cho 11.065 sinh viên trình độ đại học và cao đẳng thuộc 17 ngành đào tạo khác nhau.

Tuy nhiên, đa phần sinh viên sau khi tốt nghiệp đều có xu hướng xin việc làm thuê, theo kết quả báo cáo thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp của Trường ĐH An Giang năm 2015, 2016, các sinh viên tìm được việc làm sau sáu tháng tốt nghiệp có 96% số sinh viên đi làm thuê cho các doanh nghiệp, trong đó có 56% làm trong các đơn vị Nhà nước và 35% làm cho các doanh nghiệp tư nhân, 10% làm cho các công ty nước ngoài.

Vậy sinh viên tốt nghiệp sau khi ra trường cùng bài toán làm gì, ở đâu trở thành vấn đề nhức nhối không chỉ của bản thân và gia đình sinh viên mà còn là thách thức đối với chính quyền địa phương và ngành Giáo dục tỉnh nhà. Một trong những giải pháp được áp dụng chính là giáo dục định hướng khởi nghiệp, đề cao tinh thần làm chủ, tạo dựng và thúc đẩy văn hóa khởi nghiệp cho sinh viên ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, hình thành ý định tự thân lập nghiệp để sẵn sàng cho tương lai. Theo đó, giáo dục luôn là chất xúc tác vai trò định hướng trong việc hình thành tư duy làm chủ của sinh viên Trường Đại học An Giang.

Với mục tiêu xác định và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế - Trường Đại học An Giang, nhóm tác giả tiến hành khảo sát 237 sinh viên và ứng dụng các phương pháp phân tích định lượng để giải quyết mục tiêu nghiên cứu, đồng thời mong muốn kết quả nghiên cứu sẽ góp phần tích cực vào chương trình giáo dục định hướng khởi nghiệp của Trường nhằm giảm bớt gánh nặng việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

## **2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu**

Mô hình lý thuyết hành vi kế hoạch của Ajzen (1991) là một lý thuyết nền tảng được sử dụng phổ biến trong nhiều nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế học trong đó có lĩnh vực nghiên cứu xu hướng khởi nghiệp nhằm dự báo hành vi khởi nghiệp của một cá nhân trong tương lai. Lý thuyết hành vi kế hoạch cho rằng xu hướng hành vi là một hàm của ba nhân tố: Thái độ, quy chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi. Thái độ được khái niệm như là sự đánh giá tích cực hay tiêu cực về hành vi thực hiện, trong khi đó quy chuẩn chủ quan là ảnh hưởng sức ép xã hội được cảm nhận để thực hiện hay không hành vi đó còn nhận thức kiểm soát hành vi là việc phản ánh cá nhân cảm thấy dễ dàng hay khó khăn khi thực hiện hành vi, điều này phụ thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực và các cơ hội để thực hiện hành vi.

Tuy nhiên, hạn chế của mô hình lý thuyết hành vi kế hoạch trong việc dự đoán hành vi đó là yếu tố quyết định ý định không giới hạn bởi ba nhân tố: thái độ, quy chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi (Werner, 2004) mà còn ảnh hưởng bởi các yếu tố khác. Dựa trên kinh nghiệm nghiên cứu cho thấy rằng chỉ có 40% sự biến động của hành vi có thể được giải thích bằng cách sử dụng mô hình lý thuyết hành vi kế hoạch (Werner, 2004). Trong một nghiên cứu của Nicole và Jessica (2003) chỉ ra rằng mức độ nhận thức về mong muốn khởi nghiệp của các học viên sau khi tham gia một chương trình giáo dục khởi nghiệp tại Australia có sự thay đổi đáng kể. Nghiên cứu cho thấy học viên có nhận thức cao hơn sau khi hoàn thành khóa học khởi nghiệp, trong đó có quan hệ mật thiết với kinh nghiệm làm việc trước đây và kinh nghiệm học hỏi được trong quá trình tham gia khóa học. Nghiên cứu cung cấp những bằng chứng thực nghiệm

chứng minh giáo dục khởi nghiệp là một biến hỗ trợ bổ sung cho mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp.

Kết quả lược khảo tài liệu cho thấy có nhiều nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước đã dựa trên thuyết hành vi kế hoạch kết hợp với các yếu tố ngữ cảnh và tình huống như nền tảng giáo dục, nhu cầu thành đạt và nguồn vốn... để tiên lượng các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp. Một nghiên cứu thực nghiệm của Phan Anh Tú & ctg (2015) được tiến hành trên 233 sinh viên thuộc Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Trường ĐH Cần Thơ cho thấy ngoài 3 yếu tố thái độ, quy chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi còn có giáo dục và thời cơ khởi nghiệp, nguồn vốn ảnh hưởng đến 47% ý định khởi nghiệp của sinh viên. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn xem xét ảnh hưởng của đặc điểm giới tính trong mối quan hệ với thái độ, quy chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi và nguồn vốn đối với ý định khởi nghiệp trong khi kiểm soát các biến số khác, theo đó, giới tính dường như không có vai trò điều tiết lên mối quan hệ giữa giáo dục và ý định khởi nghiệp. Trường hợp đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tại các trường đại học và cao đẳng Cần Thơ trong nghiên cứu của Nguyễn Quốc Nghi & ctg (2016) cho thấy có 4 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên là thái độ và sự đam mê, sự sẵn sàng kinh doanh, quy chuẩn chủ quan và giáo dục ảnh hưởng 51,9% sự biến thiên của ý định khởi nghiệp. Còn đối với sinh viên đại học Teknologi Malaysia trong nghiên cứu của Amran & ctg (2013) thì kinh nghiệm làm việc, thái độ và hình mẫu doanh nhân ảnh hưởng mạnh mẽ đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, trong đó hình mẫu doanh nhân có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất trong khi thái độ có ảnh hưởng đáng kể và những sinh viên có kinh nghiệm làm việc được phát hiện có ý định kinh doanh cao hơn. Theo Sharaf (2018), thái độ và đặc điểm cá nhân ảnh hưởng đáng kể đến ý định kinh doanh của sinh viên Ai Cập. Trong nghiên cứu thực nghiệm của Mai Ngọc Khương và Nguyễn Hữu An (2016) trên 401 sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội từ 18 đến 24 tuổi cho thấy kinh nghiệm kinh doanh, bối cảnh kinh doanh và nhận thức về tính khả thi là 3 biến độc lập ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Mặt khác đặc điểm cá nhân lại có tác động tiêu cực đến tinh thần khởi nghiệp.

Mô hình nghiên cứu đề xuất dự báo các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp được tác giả kế thừa từ các nhân tố được chỉ ra trong các lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước gồm: Nhân tố thái độ, nhân tố quy chuẩn chủ quan, nhân tố nhận thức kiểm soát hành vi (Ajzen, 1991; Phan Anh Tú & ctg, 2015; Nguyễn Quốc Nghi & ctg, 2016; Amran & ctg, 2013; Sharaf, 2018; Nhân tố nền tảng giáo dục (Nicole và Jessica, 2003; Phan Anh Tú & ctg, 2015; Nguyễn Quốc Nghi & ctg, 2016). Nhân tố kinh nghiệm làm việc (Nicole và Jessica, 2003; Amran & ctg, 2013; Mai Ngọc Khương và Nguyễn Hữu An, 2016); Nhân tố nguồn vốn (Phan Anh Tú & ctg, 2015). Nhân tố phụ thuộc ý định khởi nghiệp được kế thừa từ thang đo của Linan và Chen (2009). Như vậy, mô hình nghiên cứu đề xuất của nghiên cứu này sẽ sử dụng bộ thang đo gồm có 6 nhân tố độc lập và 1 nhân tố phụ thuộc như Hình 1.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



### 2.3. Phương pháp phân tích

Theo đề xuất của Nguyễn Đình Thọ (2012), quy trình nghiên cứu gồm hai bước là nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức. Nghiên cứu sơ bộ là nghiên cứu khám phá cơ sở lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm nhằm để xuất mô hình nghiên cứu, đồng thời, bản hỏi nhập được được xây dựng và hiệu chỉnh. Nghiên cứu chính thức được thực hiện bằng phương pháp định lượng, đối tượng khảo sát là sinh viên Khoa Kinh tế - Trường Đại học An Giang, kỹ thuật thu thập dữ liệu là phỏng vấn qua bản câu hỏi (thang đo chính thức). Nghiên cứu sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện, toàn

bộ dữ liệu hồi đáp được xử lý bằng phần mềm SPSS. Dữ liệu sau khi được làm sạch sẽ được tiến hành phân tích qua ba bước gồm: đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbachs Alpha; phân tích nhân tố khám phá EFA và kiểm định mô hình hồi quy tuyến tính bội. Thang đo được đo lường ở dạng thang đo Likert 5 mức độ tương ứng với 1 là "Hoàn toàn không đồng ý" cho đến 5 là "Hoàn toàn đồng ý".

### 3. Kết quả và diễn giải phân tích kết quả

#### 3.1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành với đối tượng khảo sát là sinh viên đại học năm 3 và năm 4 thuộc Khoa Kinh tế - Trường Đại học An Giang. Trong số 237 sinh viên được khảo sát, có 222 sinh viên hệ chính quy, 15 sinh viên hệ vừa học vừa làm chiếm tỉ lệ lần lượt là 93,7% và 6,3%. Số lượng sinh viên theo học các ngành gồm 52 sinh viên ngành tài chính ngân hàng chiếm tỉ lệ 21,9%, 77 sinh viên học Quản trị kinh doanh chiếm 32,5%, 40 sinh viên ngành Kinh tế quốc tế chiếm 16,9%, 66 sinh viên ngành Tài chính kế toán chiếm 27,8% và 2 sinh viên ngành Tài chính doanh nghiệp chiếm 0,8%. Nữ giới chiếm 71,7% và nam giới chiếm 28,3%. Kết quả khảo sát động cơ khởi nghiệp cho thấy sinh viên có ý định khởi nghiệp đa phần vì muốn thu nhập cao có 75,5% số sinh viên lựa chọn và đảm bảo tài chính cho gia đình có 59,1% số sinh viên lựa chọn. Khởi nghiệp vì ham muốn kinh doanh và nhận thấy thời cơ trong kinh doanh cũng được sinh viên đặc biệt quan tâm, tương ứng có 54,4% và 45,6% sinh viên lựa chọn. Các động cơ khác như muốn địa vị cao, tránh thất nghiệp và áp dụng kiến thức đã học không thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên nhiều, tỉ lệ lựa chọn dưới 30%.

#### 3.2. Kết quả kiểm định Cronbachs Alpha

Tiến hành kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbachs Alpha cho thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp gồm 26 biến quan sát đo lường 6 khía cạnh nhân tố độc lập và 1 khía cạnh nhân tố phụ thuộc là: Thái độ (4 câu hỏi), quy chuẩn chủ quan (4 câu hỏi), nhận thức kiểm soát hành vi (4 câu hỏi), nền tảng giáo dục (4 câu hỏi), kinh nghiệm (3 câu hỏi) và nguồn vốn (3 câu hỏi), ý định khởi nghiệp (4 câu hỏi). Thang đo có hệ số có hệ số Cronbachs Alpha < 0,6 và biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng < 0,3 sẽ bị loại

bỏ để đảm bảo độ tin cậy. Kết quả kiểm định cho thấy có 2 biến quan sát bị loại khỏi mô hình gồm có Thái độ 2 và Qui chuẩn chủ quan 4, kết quả thể hiện trong Bảng 1.

thuộc và các biến độc lập, qua đó, xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả phân tích hồi quy được thể hiện ở Bảng 3.

**Bảng 1. Bảng thống kê kết quả kiểm định Cronbachs Alpha**

STT	Nhân tố	Biến quan sát ban đầu	Biến quan sát còn lại	Cronbachs Alpha	Biến bị loại
1	Thái độ (TD)	4	3	0,650	TD2
2	Qui chuẩn chủ quan (QC)	4	3	0,618	QC4
3	Nhân thức kiểm soát hành vi (NT)	4	4	0,794	
4	Giáo dục (GD)	4	4	0,814	
5	Kinh nghiệm làm việc (KN)	3	3	0,752	
6	Nguồn vốn (NV)	3	3	0,641	
7	Ý định khởi nghiệp (YDKN)	4	4	0,798	

*Nguồn: Phân tích từ dữ liệu khảo sát 237 đáp viên, 2019*

**3.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA**

Sau bước kiểm định độ tin cậy thang đo, 24 biến quan sát còn lại được tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm kiểm tra tính hội tụ và giá trị phân biệt của các biến quan sát trong mối tương quan giữa các nhân tố. Điều kiện để phân tích nhân tố là phù hợp là hệ số KMO phải nằm trong khoảng 0,5 đến 1,0 và tổng phương sai trích phải > 50%; các biến quan sát có hệ số truyền tải < 0,5 sẽ bị loại khỏi mô hình. Kết quả phân tích thể hiện ở Bảng 2.

Kết quả phân tích cho thấy, hệ số KMO : 0,5 < KMO=0,777 < 1 với mức ý nghĩa sig Bartlett's test là 0,000 < 0,05 cho thấy phân tích nhân tố là phù hợp với tập dữ liệu nghiên cứu. Tổng phương sai trích = 65,616% ≥ 50% cho thấy mô hình EFA là phù hợp và 6 nhân tố được trích có dạng được 65,616% biến thiên các biến quan sát. Kết quả ma trận xoay cho thấy có 20 biến quan sát được gom thành 6 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải > 0,5 cho biết các biến quan sát đều đạt yêu cầu về độ hội tụ và tương quan với nhân tố được trích. Mô hình nghiên cứu được hiệu chỉnh tương ứng.

**3.4. Phân tích hồi quy tuyến tính**

Phân tích hồi quy nhằm xác định phương trình hồi qui tuyến tính với hệ số Beta tìm được để khẳng định mối quan hệ nhân quả giữa biến phụ

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy hệ số R<sup>2</sup> hiệu chỉnh là 0,465 nghĩa là các nhân tố độc lập đưa vào mô hình hồi quy ảnh hưởng 46,5% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 53,5% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Giá trị sig. của kiểm định F bằng 0,000 < 0,05, như vậy mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với tập dữ liệu nghiên cứu.

Kết quả phân tích cũng chỉ ra rằng hệ số hồi quy B của 5 nhân tố thái độ, qui chuẩn chủ quan, giáo dục, kinh nghiệm và nguồn vốn có giá trị sig < 0,05 nên 5 nhân tố này đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc. Đồng thời, các hệ số hồi quy B của 5 nhân tố đều > 0, như vậy, các nhân tố độc lập đưa vào mô hình hồi quy đều tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp, nghĩa là nếu thái độ của sinh viên đối với việc khởi nghiệp càng tích cực, sinh viên có sự đam mê hứng thú và mong muốn thành công khi khởi nghiệp thì ý định khởi nghiệp của sinh viên càng cao. Tương tự đối với biến qui chuẩn chủ quan, giáo dục, kinh nghiệm và nguồn vốn. Nhân tố nhân thức kiểm soát hành vi có giá trị sig là 0,231 > 0,05 đồng nghĩa với việc nhân tố này không có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc nên bị loại khỏi mô hình.

Hệ số Durbin Watson bằng 1,945 nằm trong khoảng 1.5 đến 2.5 nên không xảy ra hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất. Hệ số phóng đại

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Nhân tố	Ma trận xoay nhân tố					
	F1	F2	F3	F4	F5	F6
GD3	0,805					
GD4	0,799					
GD1	0,762					
GD2	0,748					
NT1		0,843				
NT4		0,732				
NT3		0,688				
NT2		0,630				
TD3			0,750			
TD4			0,682			
TD1			0,534			
KN2				0,845		
KN3				0,839		
KN1				0,702		
QC1					0,780	
QC3					0,735	
QC2					0,672	
NV3						0,801
NV2						0,722
NV1						0,511
Hệ số KMO = 0,777 ; Tổng phương sai trích = 65,616%; Sig. = 0,000						

Nguồn: Phân tích từ dữ liệu khảo sát 237 đáp viên, 2019

phương sai VIF của từng nhân tố có giá trị < 2 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra.

Dựa vào độ lớn của hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta, thứ tự tác động từ mạnh nhất tới yếu nhất của các nhân tố độc lập đến nhân tố phụ thuộc như sau: thái độ có ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp (hệ số Beta = 0,326), nguồn vốn có tác động mạnh thứ 2 (hệ số Beta = 0,211), giáo dục và kinh nghiệm có tác động mạnh thứ 3 và thứ 4

(hệ số Beta lần lượt là 0,179 và 0,146), qui chuẩn chủ quan có tác động yếu nhất đến ý định khởi nghiệp (hệ số Beta = 0,122). Phương trình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$Y_{DKN} = 0,326 TD + 0,211 NV + 0,179 GD + 0,146 KN + 0,122 QC$$

Như vậy, mô hình nghiên cứu để xuất có 6 yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua 22 biến quan sát. Qua kết quả kiểm định

**Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính**

Nhân tố	Ký hiệu	Hệ số (B)	Hệ số (Beta)	Hệ số Sig.	VIF
Hằng số		0,456		0,057	
Thái độ	F1	0,296	0,326	0,000	1,780
Qui chuẩn chủ quan	F2	0,115	0,122	0,017	1,130
Nhân thức kiểm soát hành vi	F3	0,050	0,068	0,231	1,421
Giáo dục	F4	0,147	0,179	0,001	1,217
Kinh nghiệm	F5	0,091	0,146	0,004	1,143
Nguồn vốn	F6	0,181	0,211	0,000	1,482
Hệ số R <sup>2</sup> hiệu chỉnh					0,465
Hệ số Durbin Watson					1,945
Mức ý nghĩa Sig.					0,000

*Nguồn: Phân tích từ dữ liệu khảo sát 237 đáp viên, 2019*

độ tin cậy Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA loại bỏ 2 biến quan sát không phù hợp, còn lại 23 biến được gom thành 6 nhân tố. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi không có ý nghĩa trong mô hình hồi quy.

**4. Kết luận**

Nghiên cứu này xác định được 5 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế - Trường Đại học An Giang bao gồm thái độ, nguồn vốn, giáo dục, kinh nghiệm và qui chuẩn chủ quan, trong đó, thái độ có tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp. Bài viết là một nghiên cứu thực nghiệm giúp ban Giám hiệu Trường Đại học An Giang và lãnh đạo Khoa Kinh

tế có cơ sở khoa học để đưa ra các biện pháp nhằm động viên, khích lệ tinh thần khởi nghiệp của sinh viên khi còn ngồi trên ghế nhà trường, góp phần giải quyết vấn đề công ăn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Hạn chế của nghiên cứu này là các biến được đưa vào mô hình chỉ giải thích được 46.5% sự biến thiên của biến phụ thuộc ý định khởi nghiệp, nguyên nhân do ý định khởi nghiệp còn bị ảnh hưởng bởi các biến khác chưa được đưa vào mô hình như hình mẫu doanh nhân hay các yếu tố thuộc về cá nhân... Do đó, các nghiên cứu tương lai cần xem xét bổ sung các nhân tố này để thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp được hoàn chỉnh hơn ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

*Tài liệu tiếng Việt*

1. Bùi Huỳnh Tuấn Duy & ctg, *Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố tính cách cá nhân lên tiềm năng khởi nghiệp của sinh viên*, 68-82, tập 14, số Q3-2011.
2. Nguyễn Quốc Nghi & ctg, *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khối ngành Quản trị kinh doanh tại các trường đại học/cao đẳng ở thành phố Cần Thơ*, 55-64, số 10, 2016.
3. Phan Anh Tú & ctg, *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp: Trường hợp sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ*, 59-66, kỳ 38, 2015.
4. Mai Ngọc Khương & ctg, *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội: Phân tích nhận thức đối với tinh thần doanh nhân*, 104-111, tập 4, số 2, 2016.

5. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc. *Phân tích dữ liệu với SPSS. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Hồng Đức, 2008.*

*Tài liệu nước ngoài*

6. Ajzen, *The Theory of Planned Behavior: Organizational Behavior and Human Decision Processes*, page 179-211, Vol. 50, 1991.

7. Sharaf, A., El-Gharbawy, A. and Ragheb, M.A. *Factors That Influence Entrepreneurial Intention within University Students in Egypt*, page 1-14, Vol. 5, 2018

8. Sakineh Ghayazi et al., *Factors affecting entrepreneurship of educational management students in Andimeshk Payame Noor University*, page 51-61, Vol. 21, 2014.

9. Farsi Jahangir Yadollahi et al., *Institutional Factors Affecting Academic Entrepreneurship: The Case of University of Tehran*, page 139-159, Vol. 47, No. 1-2, 2014

10. Amran Md Rasli et al., *Factors Affecting Entrepreneurial Intention Among Graduate Students of Universiti Teknologi Malaysia*, page 182-188, Vol. 4 No. 2, 2013.

**Ngày nhận bài: 3/2/2019**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 13/2/2019**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 23/2/2019**

*Thông tin tác giả:*

**ThS. NGUYỄN THỊ PHƯỢNG**

Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học An Giang

**TRẦN THỊ DIỄM THÚY**

Giảng viên Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang

## **FACTORS AFFECTING THE ENTREPRENEURIAL INTENTION OF STUDENTS STUDYING AT ECONOMIC FACULTIES OF AN GIANG UNIVERSITY**

● Master. **NGUYEN THI PHUONG**

Lecturer, Faculty of Economics, An Giang University

● **TRAN THI DIEM THUY**

Lecturer, Faculty of Pedagogy, An Giang University

### **ABSTRACT:**

This study figured out five factors affecting on entrepreneurial intention of students studying at economic faculties of An Giang University, namely (1) Entrepreneurial attitude, (2) Education, (3) Finance, (4) Subjective norm, (5) Work experience. This study also assessed the impact of these factors on entrepreneurial intention of students. The regression analysis showed that 46,5% of students' entrepreneurial intention was explained by these above factors.

**Keywords:** Entrepreneurial intentions, An Giang University, factors.